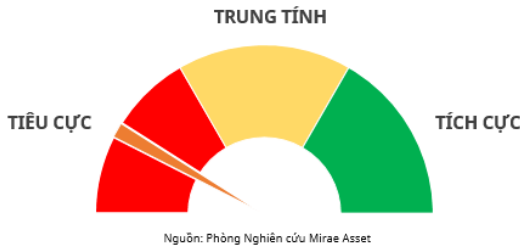


Thang đo sức mạnh thị trường



27 Tháng Tư 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,219.75	0.33	4.95	58.25
HNX	280.56	-0.04	3.54	163.94
UPCOM	79.41	-0.01	-0.55	52.80
MSCI EM	1,360.64	0.56	4.07	51.97
NIKKEI	28,991.89	-0.46	-0.63	46.55
HANG SENG	28,941.54	-0.04	2.14	19.20
KOSPI	3,215.42	-0.07	5.74	67.23
FTSE	6,960.17	-0.04	3.26	19.04
S&P 500	4,187.62	0.18	5.36	45.48
NASDAQ	14,138.78	0.87	7.61	61.95

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.38	2.53	13.92
SET INDEX	38.93	1.69	4.34
JCI INDEX	25.08	1.52	4.70
PCOMP INDEX	28.02	1.56	5.77

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.19	0	8	-111
10 năm	2.37	3	-2	-69

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,047	0.02	0.13	1.86
US\$/KRW	1,110	0.25	1.91	10.42
US\$/JPY	108	-0.30	1.29	-1.07
US\$/EUR	0.83	0.23	-2.44	-10.20
US\$/GBP	0.72	0.25	-0.74	-10.35
US\$/SGD	1.33	-0.08	1.59	6.93

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	724	713	377
HNX	100	126	50
UPCOM	28	46	24

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Thanh khoản suy giảm, VN-index tăng nhẹ

Khoảng thời gian vừa qua, VN-Index có những phiên biến động tăng/giảm luân phiên với biên độ rộng, vì vậy tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn trong phiên ngày hôm nay. Xuyên suốt từ đầu đến cuối phiên chủ yếu là giao dịch giằng co khiến VN-Index chuyển trạng thái đỏ-xanh liên tục. Thêm vào đó, thanh khoản suy giảm đáng kể, đạt xấp xỉ 75% khối lượng bình quân 20 ngày, cũng khiến VN-Index chưa bứt phá trở lại sau phiên giảm sâu ngày hôm qua. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.219,7 điểm, tăng 3,9 điểm, tương ứng +0,3% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.459 tỷ đồng, HNX: 1.716 tỷ đồng, UPCOM: 554 tỷ đồng.

Phiên giao dịch tăng điểm nhẹ, tuy nhiên số mã cổ phiếu tăng (190) lại thấp hơn số mã giảm (221). Bên cạnh đó, nhóm Blue-chip tiếp tục đóng vai trò trụ cột giúp cho VN-Index có phiên tăng nhẹ. HPG (+2,2%), MSN (+3,22%), STB (+2,4%) và đặc biệt NVL (+6,2%) là những mã giao dịch đáng chú ý nhất ngày hôm nay.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên thứ 3 liên tục với giá trị hơn 430 tỷ đồng, tập trung vào nhóm Blue-chip: HPG, NVL, MSN, STB.

Phiên giao dịch tăng điểm nhẹ khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index được cải thiện nhẹ. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đang ở mức -4, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

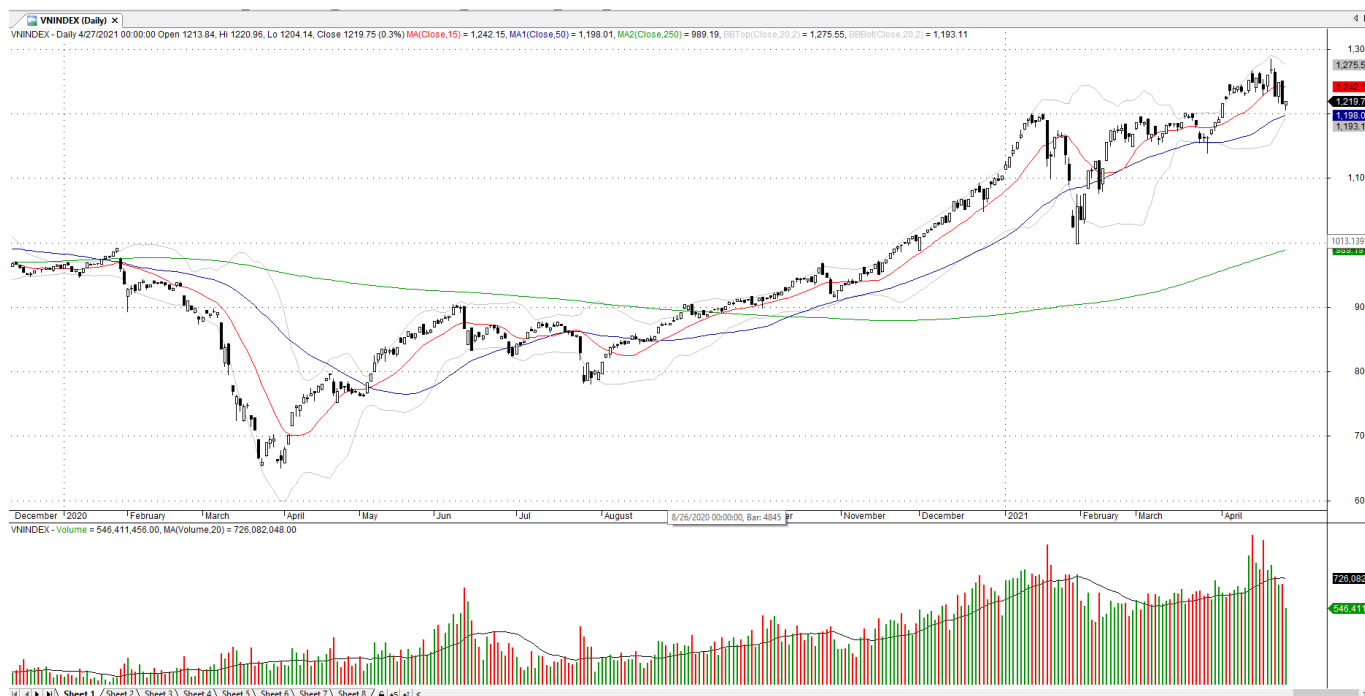
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (27/04/2021)	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.100

VN-Index dừng đà giảm và giằng co khi tiến về mốc 1.200 điểm, là mốc kháng cự mạnh khi đã mất rất nhiều thời gian để chinh phục.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

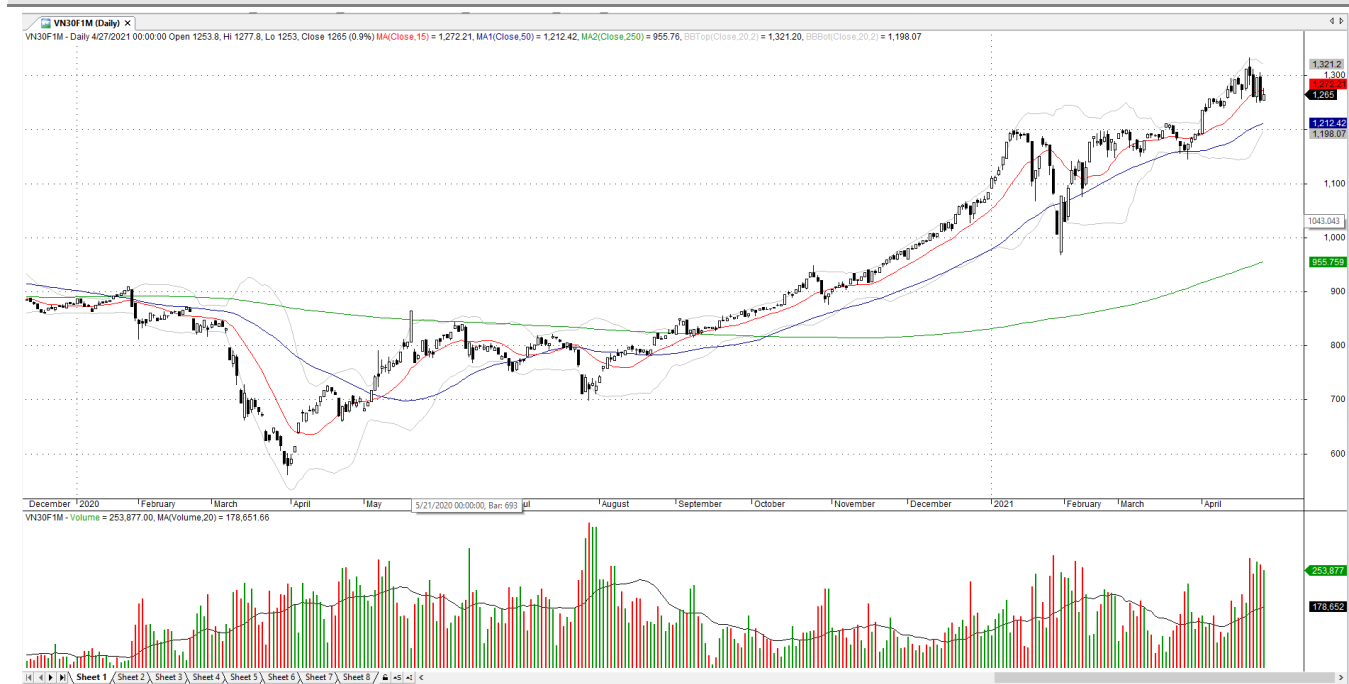
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (27/04/2021)	1.265	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.400
VN30 - đóng cửa	1.283	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-18,8	Hỗ trợ 2	1.100

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M tuy diễn biến giảm co sát với diễn biến thị trường cơ sở, nhưng giao dịch tại vùng giá cao trong ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.7	4,815,430	-2	TRUNG TÍNH	186,538	10.3	2.8
ACB	34	7,643,090	-2	TRUNG TÍNH	41,664	15.5	1.4
AGR	10.9	1,446,775	-6	TIÊU CỰC	138,444	9.7	1.8
ASM	14.4	2,538,625	-6	TIÊU CỰC	82,843	10.0	1.7
BCG	12.3	1,414,965	-6	TIÊU CỰC	20,539	15.2	1.9
BID	40.35	3,653,350	-4	TIÊU CỰC	47,614	17.3	2.0
BSR	14	14,027,625	7	KHẢ QUAN	130,577	30.5	4.7
BVH	56.9	1,079,060	-2	TRUNG TÍNH	73,493	8.5	1.9
BVS	20	1,087,750	-6	TIÊU CỰC	147,633	10.8	1.7
CEO	9.6	6,650,100	-4	TIÊU CỰC	17,287	77.0	1.8
CII	20.6	2,742,100	-7	TIÊU CỰC	69,533	29.2	2.4
CTD	63.2	629,580	-7	TIÊU CỰC	200,009	20.1	6.4
CTG	39.65	15,375,180	-4	TIÊU CỰC	328,951	12.0	3.8
CTR	83.8	495,355	-7	TIÊU CỰC	7,875	45.9	0.6
DBC	52.6	1,831,635	-4	TIÊU CỰC	12,670	15.4	1.8
DCM	16.15	3,199,865	-6	TIÊU CỰC	9,273	14.9	0.8
DGC	68.7	574,590	-4	TIÊU CỰC	8,144	8.5	1.6
DIG	26.3	3,682,065	-7	TIÊU CỰC	5,511	3.8	1.2
DPM	18.6	1,667,445	7	KHẢ QUAN	130,593	11.5	2.3
DRC	26.2	1,343,460	-4	TIÊU CỰC	28,337	12.0	1.0
DXG	22.95	7,787,525	2	TRUNG TÍNH	35,145	26.7	6.6
FIT	10.05	4,775,725	0	TRUNG TÍNH	13,961	9.3	2.0
FLC	11.05	37,437,320	-5	TIÊU CỰC	93,600	24.8	2.0
FPT	80.7	2,234,770	-6	TIÊU CỰC	9,151	12.2	1.9
FRT	26.8	1,687,165	-7	TIÊU CỰC	6,718	38.1	0.6
GAS	81.5	917,050	4	KHẢ QUAN	22,084	11.9	1.6
GEX	25.95	7,797,205	-6	TIÊU CỰC	5,576	5.7	1.5
GMD	33.35	2,588,750	-4	TIÊU CỰC	11,895	#N/A N/A	1.8
GTN	18.85	742,585	-4	TIÊU CỰC	42,713	8.7	1.7
GVR	23.4	2,958,145	-5	TIÊU CỰC	7,529	6.5	1.7
HAG	5.3	12,579,125	-4	TIÊU CỰC	10,051	29.0	1.7
HBC	15.65	5,835,175	-4	TIÊU CỰC	115,119	93.0	7.2
HCM	30	4,186,605	-7	TIÊU CỰC	9,121	12.6	1.9
HDB	26.8	4,664,650	-4	TIÊU CỰC	2,560	45.4	0.8
HDC	38.3	526,650	-2	TRUNG TÍNH	12,693	587.8	1.5
HDG	38.65	1,003,385	-5	TIÊU CỰC	3,602	41.7	1.0
HHS	6.8	6,489,475	2	TRUNG TÍNH	67,464	16.4	4.2
HNG	11.45	14,538,185	-4	TIÊU CỰC	9,990	32.8	2.8
HPG	56.3	23,464,704	-2	TRUNG TÍNH	63,682	17.1	3.8
HQC	3.8	24,201,816	-7	TIÊU CỰC	43,407	#N/A N/A	1.4
HSG	31.4	9,575,575	-7	TIÊU CỰC	4,643	15.0	0.6
HUT	6	7,226,730	-4	TIÊU CỰC	4,915	#N/A N/A	1.0
HVN	28.1	1,100,455	-7	TIÊU CỰC	162,288	23.2	2.1
IDC	33.3	3,501,840	-4	TIÊU CỰC	446,819	78.2	5.4
IJC	25.7	3,194,130	-4	TIÊU CỰC	12,497	21.4	1.6
ITA	7.16	20,938,660	-4	TIÊU CỰC	10,317	10.9	2.1
KBC	36.8	4,926,730	7	KHẢ QUAN	4,477	6.7	2.2
KDH	34.55	3,046,965	-4	TIÊU CỰC	1,469	4.7	0.8
KSB	26.4	1,413,410	-6	TIÊU CỰC	1,801	121.2	0.6
LCG	12.75	2,915,540	-6	TIÊU CỰC	155,987	19.9	3.2
LDG	7.52	10,632,670	-2	TRUNG TÍNH	27,958	7.1	1.6
LPB	20.55	14,308,255	-7	TIÊU CỰC	42,238	27.3	2.1

MBB	29.6	17,774,156	-7	TIÊU CỰC	7,845	49.0	0.8
MBS	22.8	2,082,740	-7	TIÊU CỰC	4,713	48.5	1.8
MSN	98	3,088,455	-4	TIÊU CỰC	3,728	7.7	0.8
MSR	19.7	1,096,500	-5	TIÊU CỰC	66,632	963.0	4.4
MWG	141.9	988,570	0	TRUNG TÍNH	367,179	19.9	3.9
NKG	25.2	4,640,955	-6	TIÊU CỰC	2,117	85.6	1.7
NLG	34.75	1,370,925	-4	TIÊU CỰC	4,343	7.6	1.2
NVB	17.2	5,950,100	-4	TIÊU CỰC	4,920	20.0	1.0
NVL	119.3	2,849,860	-2	TRUNG TÍNH	6,550	9.4	1.2
PAN	25.9	1,034,265	-2	TRUNG TÍNH	5,963	6.3	2.0
PDR	72.4	3,675,530	-4	TIÊU CỰC	2,470	#N/A N/A	0.8
PET	19.85	1,959,735	-5	TIÊU CỰC	6,775	7.1	2.1
PHR	50	589,335	-6	TIÊU CỰC	5,243	7.8	1.1
PLX	48.6	1,313,250	-4	TIÊU CỰC	7,279	10.5	0.9
PNJ	96	652,175	-4	TIÊU CỰC	3,044	16.1	0.7
POW	12.1	15,924,405	-4	TIÊU CỰC	8,550	15.9	1.4
PVD	18.7	6,066,630	-6	TIÊU CỰC	5,410	28.8	1.4
PVS	19.4	9,991,820	-2	TRUNG TÍNH	3,703	12.0	1.0
PVT	16.2	3,205,465	-7	TIÊU CỰC	1,759	6.2	1.1
ROS	6.67	43,794,728	-4	TIÊU CỰC	6,997	5,773.2	1.6
SBT	20.25	2,960,880	-4	TIÊU CỰC	767	#N/A N/A	0.4
SCR	8.31	6,662,695	-6	TIÊU CỰC	6,015	21.5	5.7
SHB	27.2	25,982,404	-4	TIÊU CỰC	1,659	10.8	1.1
SHS	26.9	10,554,045	-6	TIÊU CỰC	1,612	#N/A N/A	0.5
SSI	31.8	14,005,970	-2	TRUNG TÍNH	7,270	24.2	2.6
STB	23.2	42,792,128	-2	TRUNG TÍNH	3,786	6,332.4	0.6
SZC	33.6	587,530	2	TRUNG TÍNH	21,827	19.3	3.8
TCB	39.5	11,033,575	-5	TIÊU CỰC	1,811	188.7	0.4
TCH	21.75	8,703,500	6	KHẢ QUAN	19,307	16.9	2.4
TCM	109.5	224,475	-2	TRUNG TÍNH	1,686	10.3	1.4
TDC	17.1	847,350	-7	TIÊU CỰC	3,360	15.7	2.7
TDH	6.81	1,624,695	-7	TIÊU CỰC	60,449	67.2	2.8
TNG	21.2	2,257,475	-4	TIÊU CỰC	21,653	505.1	1.5
TPB	27.1	4,958,475	-7	TIÊU CỰC	40,776	#N/A N/A	6.4
TTF	7.04	8,037,155	-2	TRUNG TÍNH	5,579	8.4	1.7
VCB	99	2,271,290	-6	TIÊU CỰC	1,868	6.4	0.5
VCG	48	387,590	-2	TRUNG TÍNH	9,984	8.7	1.5
VCI	62.3	1,396,940	-4	TIÊU CỰC	2,191	62.2	#N/A N/A
VHC	36	819,625	-7	TIÊU CỰC	7,095	27.5	4.3
VHM	100	5,167,165	-7	TIÊU CỰC	2,548	9.5	2.1
VIC	132	2,881,065	-4	TIÊU CỰC	3,747	10.9	1.7
VIX	35.05	7,480,730	0	TRUNG TÍNH	10,220	10.9	2.5
VJC	127.2	538,215	-5	TIÊU CỰC	2,302	19.1	1.1
VND	34.7	6,954,880	4	KHẢ QUAN	21,202	13.1	3.0
VNM	95.7	3,896,175	-7	TIÊU CỰC	1,444	7.7	0.8
VPB	53.2	8,342,075	-5	TIÊU CỰC	1,710	9.9	1.4
VPI	36.35	1,042,520	-5	TIÊU CỰC	2,503	8.3	1.1
VRE	30.6	7,066,820	-5	TIÊU CỰC	3,112	11.0	1.8

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Dầu suy giảm khi dịch Covid-19 ở Ấn Độ bùng phát mạnh

Giá dầu suy giảm vào ngày thứ Hai (26/4), do lo ngại rằng sự tăng vọt số ca nhiễm Covid-19 ở Ấn Độ sẽ làm giảm nhu cầu nhiên liệu ở quốc gia nhập khẩu dầu lớn thứ 3 thế giới, và khi nhà đầu tư điều chỉnh vị thế trước kế hoạch tăng sản lượng dầu của OPEC+ từ tháng 5/2021. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, hợp đồng dầu Brent lùi 0.7% xuống 65.65 USD/thùng, sau khi tăng 1.1% vào ngày 23/4. Hợp đồng dầu WTI mất 0.37% còn 61.91 USD/thùng, sau khi tăng 1.2% vào ngày 23/4. Cả 2 hợp đồng này đều giảm 1% trong tuần trước.

Pfizer có thể phát triển thành công thuốc chữa Covid-19 trong năm nay

Theo tờ The Telegraph, cuộc thử nghiệm thuốc đặc trị Covid-19 của Pfizer đang diễn ra tại 2 địa điểm ở Mỹ và Bỉ với 60 tình nguyện viên từ 18 - 26 tuổi. Các tình nguyện viên sẽ dùng loại thuốc PF-07321332, giúp ức chế virus sản sinh trong mũi, cổ họng và phổi. Loại thuốc ức chế này được cho là thành phần chính trong việc điều trị bệnh nhân HIV. Cuộc thử nghiệm diễn ra trong 3 giai đoạn kéo dài 145 ngày, cộng thêm 28 ngày sau đó để theo dõi và đo liều lượng. Trong giai đoạn 1 dự kiến hoàn tất vào ngày 25.5, các nhà nghiên cứu sẽ xem xét cơ thể sẽ hấp thụ loại thuốc này như thế nào và có phản ứng phụ nào không. Liều lượng sẽ được tăng lên trong giai đoạn 2 và giai đoạn 3 dùng để xem xét ảnh hưởng đến việc ăn uống.

Sẽ trình lại đề án quy hoạch Điện VIII vào tháng 6

Nguồn tin của Báo Đầu tư cho biết tại cuộc họp của Phó thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành kiêm Trưởng ban Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phát triển điện lực với các bộ ngành có liên quan mới đây, Bộ Công Thương đã được yêu cầu tiến hành rà soát lại đề án quy hoạch điện VIII và trình lại vào tháng 6 tới. Đề án quy hoạch điện VIII chưa được Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021 thông qua trong cuối tháng 3 đầu tháng 4 vừa qua như kỳ vọng của nhiều nơi dù Bộ Công Thương thay mặt Hội đồng thẩm định đã có Báo cáo thẩm định đề án quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới 2045 gửi Thủ tướng Chính phủ vào ngày 26/3/2021. Theo đó, Hội đồng thẩm định quy hoạch điện VIII thống nhất kết luận quy hoạch đủ điều kiện để trình Thủ tướng xem xét, phê duyệt. Được biết Hội đồng thẩm định được thành lập vào ngày 25/2/2021. Tiếp đó, ngày 10/3/2021, Hội đồng thẩm định đã họp lần 1 để xem xét đề án quy hoạch điện VIII.

HSG: lãi 1.607 tỷ đồng sau 6 tháng, vượt kế hoạch năm

Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) công bố ước sản lượng tiêu thụ quý II niên độ 2020-2021 đạt 542.532 tấn, tăng 65% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu 10.846 tỷ đồng, tăng 88% và lãi sau thuế 1.035 tỷ đồng, gấp 5,1 lần. Lũy kế 6 tháng, doanh nghiệp đạt sản lượng hơn 1 triệu tấn, tăng 54% và thực hiện 60% kế hoạch năm. Doanh thu 19.946 tỷ đồng, tăng 61% và thực hiện 60% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế 1.607 tỷ đồng, gấp 4,2 lần và vượt 7% kế hoạch năm. So với kết quả ước tính tháng 3, lợi nhuận cao hơn 200 tỷ đồng. Tương tự nhiều doanh nghiệp thép khác, Hoa Sen cũng ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan trong bối cảnh nhu cầu thép, giá thép liên tục tăng cao trong quý đầu năm. Theo báo cáo VSA, quý I, Hoa Sen tăng thị phần tôn mạ lên 35,5%, trong khi cả năm 2020 là 33,4%. Thị phần ống thép của doanh nghiệp cũng đạt 19,48% từ mức 16,8% của năm trước.

DBC: chia cổ tức 30% cho năm 2021

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021, Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HoSE: DBC) đặt mục tiêu tổng doanh thu 15.439 tỷ đồng. Chỉ tiêu lãi sau thuế 827 tỷ đồng, giảm 41%. Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở thận trọng với giả định giá thị trường lợi nhuận bình quân 50.800 đồng/kg. Về kế hoạch chia cổ tức, cổ đông thông qua mức chi trả 30% cho năm 2021. Trong đó, cổ tức bằng tiền mặt là 20% (1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng) và cổ tức cổ phiếu là 10% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Nguồn vốn phát hành cổ phiếu

từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc quyền sở hữu và sử dụng của cổ đông trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021.

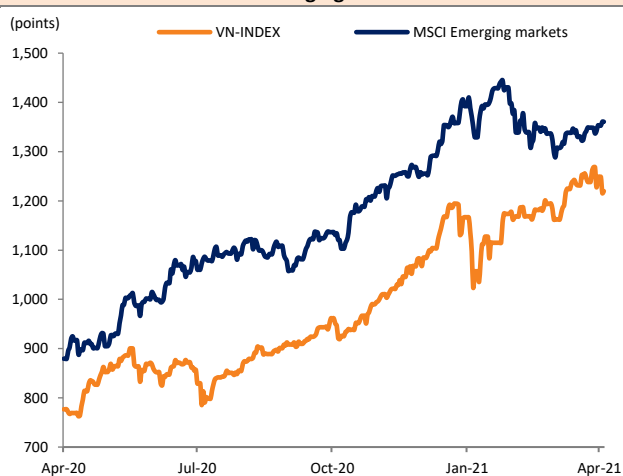
VGC: Bộ Xây dựng dự kiến thoái vốn trong năm 2022

Sáng ngày 27/4, Tổng công ty Viglacera (HoSE: VGC) họp ĐCĐCĐ thường niên năm 2021. Kế hoạch kinh doanh năm nay với 12.000 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, tăng 27% so với thực hiện 2020, riêng doanh thu công ty mẹ ước đạt 5.000 tỷ đồng. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất 1.000 tỷ đồng, tăng 19% so với thực hiện 2020– trong đó công ty mẹ mục tiêu lãi trước thuế 750 tỷ đồng. Dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 12%. Năm 2020 Viglacera đạt 9.433 tỷ đồng doanh thu, giảm 7% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 667 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 600 tỷ đồng. Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, công ty dự kiến trả cổ tức tỷ lệ 11%.

NHH: kế hoạch doanh thu 1.900 tỷ đồng năm 2021

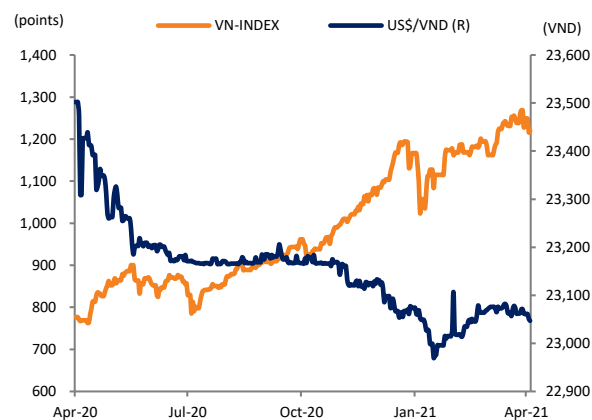
Ngày 27/4, Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội (HoSE: NHH) đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2021, thông qua nhiều nội dung quan trọng, trong đó đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 và kế hoạch doanh thu năm 2021 là 1.900 tỷ đồng. Năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn khi dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, NHH đã thực hiện nhiều giải pháp phù hợp để tối ưu chi phí, tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, công ty vẫn đạt kết quả tích cực với tổng doanh thu 1.150 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 112 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



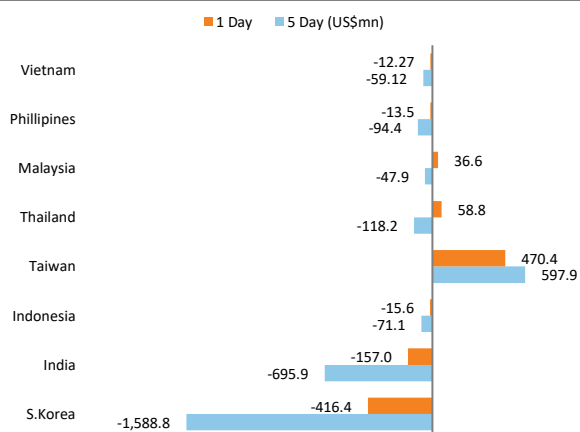
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



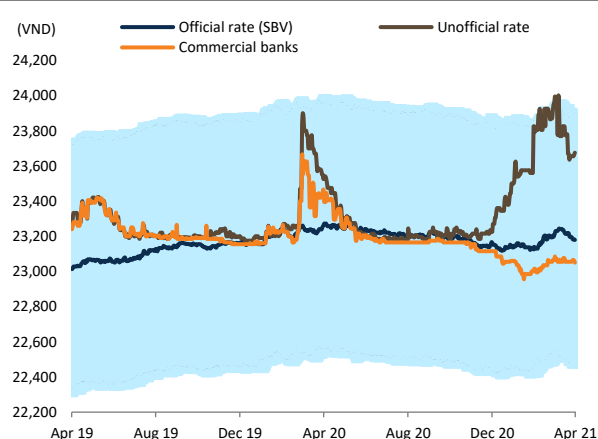
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



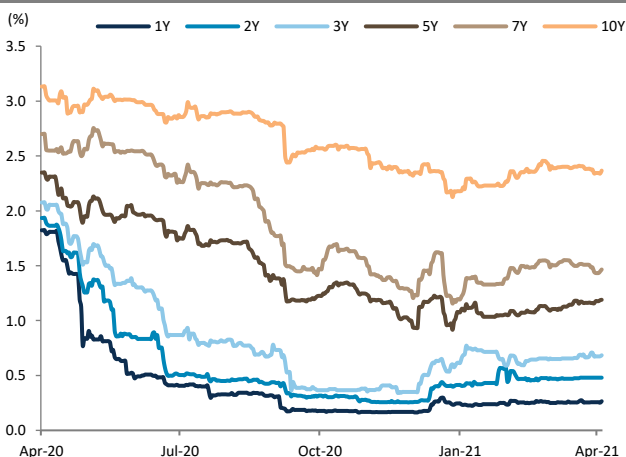
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



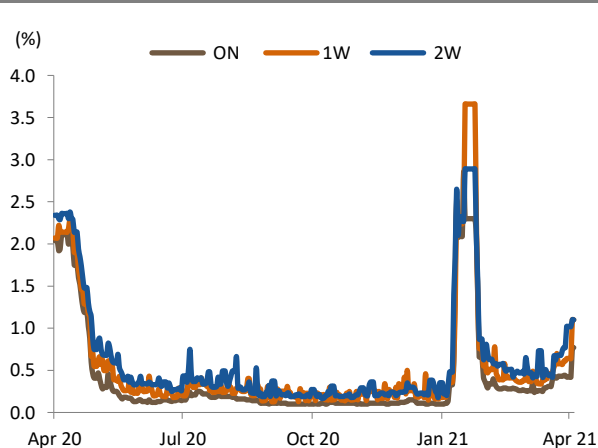
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,283.81	3,221,060		0.7	-1.7	10.0	78.4	13.6	11.3	2.4	2.1	12.1	20.1	19.6	19.4
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,350	162,288	16.8	-0.4	-6.2	-4.2	15.0	16.4	11.6	1.8	1.5	70.1	41.8	11.9	15.4
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	56,900	42,238	27.3	-0.9	-4.4	-2.6	22.5	24.6	20.8	2.0	1.9	11.5	18.2	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	39,650	147,633	26.1	-0.1	-6.7	1.5	110.3	8.4	7.6	1.5	1.3	28.4	10.0	19.5	19.0
CTCP FPT	FPT VN	80,700	63,682	49.0	-0.4	-1.0	6.0	83.0	16.1	13.5	3.5	3.0	22.0	18.8	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	81,500	155,987	2.6	0.0	-6.5	-8.6	26.9	15.3	14.7	3.0	2.8	32.1	4.3	19.5	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,800	42,713	17.1	1.1	-1.8	4.1	115.7	7.8	6.6	1.6	1.4	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	56,300	186,538	30.3	2.2	-2.6	21.9	207.8	9.4	8.7	2.4	2.1	55.5	8.8	28.0	24.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	34,550	19,307	32.4	0.1	4.4	15.2	77.0	15.8	12.0	2.2	1.9	6.2	31.8	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	29,600	82,843	22.9	0.0	-3.0	7.6	118.8	8.0	6.7	1.5	1.2	24.1	19.7	19.8	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	98,000	115,119	32.7	3.2	-8.5	14.1	67.5	41.9	25.4	6.1	4.9	122.1	64.8	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	141,900	67,464	50.0	-0.4	3.3	9.2	72.6	13.5	10.8	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	121,500	130,577	7.0	6.2	11.5	52.8	132.7	30.4	23.5	3.9	3.3	0.5	29.2	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	72,200	35,145	2.8	-2.7	6.3	31.1	327.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	48,600	60,449	16.2	-2.7	-7.4	-13.1	20.9	16.7	14.8	2.6	2.5	323.9	12.6	16.5	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	96,000	21,827	48.9	1.1	2.1	13.1	65.5	17.6	13.8	3.7	3.1	26.9	27.3	22.6	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,100	28,337	3.6	0.0	-7.6	-4.7	22.2	13.3	11.2	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,000	15,762	49.0	-0.6	-3.2	-5.6	67.2	8.8	7.5	1.2	1.4	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,250	12,497	8.3	-1.5	-6.3	-8.0	47.8	17.4	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	31,800	20,539	46.0	0.3	-8.6	2.9	142.7	14.2	13.3	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	23,100	41,664	10.6	2.4	0.9	21.9	157.0	15.9	9.6	1.4	1.2	16.3	66.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	39,500	138,444	22.5	0.1	-5.0	0.3	131.7	9.4	8.1	1.6	1.3	20.1	15.1	18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,750	8,144	11.1	1.2	-6.9	0.7	3.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	27,100	27,958	30.0	-0.2	-4.2	1.5	89.2	6.8	5.2	1.3	1.1	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,000	367,179	23.3	0.4	0.5	4.3	48.2	17.2	13.9	3.1	2.6	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	100,000	328,951	22.4	0.4	-4.3	4.5	55.0	10.8	8.9	2.9	2.2	11.9	20.7	31.0	28.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	132,100	446,819	14.6	0.5	-8.3	17.5	43.6	61.2	52.5	4.8	4.3	27.6	16.7	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	127,200	66,632	19.2	-0.2	-1.5	-2.5	12.1	61.6	21.8	4.1	3.3	1,441.4	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	95,700	200,009	55.5	-0.3	-0.4	-1.7	11.7	18.5	16.9	5.8	5.3	8.3	9.4	34.7	35.1
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	53,200	130,593	23.3	0.4	7.4	22.6	153.3	10.7	9.0	2.0	1.6	16.4	18.5	20.4	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,600	69,533	30.5	-1.8	-9.9	-5.0	30.2	24.6	19.3	2.2	2.0	18.5	27.5	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	3.98	4,549,989	0.3	-3.2	5.0	58.3	15.0	12.3	2.4	2.1	22.6	22.2	17.9	18.4
Ô tô và phụ tùng	0.03	8,015	1.5	-1.2	-2.0	43.1	5.5	5.2	1.0	0.9	33.7	6.3	11.3	11.0
Ngân hàng	0.92	1,410,199	0.3	0.6	7.0	71.6	13.0	10.6	2.0	1.7	27.7	22.3	18.3	18.8
Xây dựng cơ bản	-0.17	172,413	-0.3	-0.8	3.3	77.4	5.3	3.8	0.4	0.4	5.9	34.8	5.2	5.5
Dịch vụ thương mại	-0.02	4,308	-1.9	-3.4	-6.7	21.9	6.0	4.8	NA	NA	31.9	26.2	11.0	12.9
May mặc và trang sức	0.13	42,995	1.2	1.1	9.8	205.4	14.5	12.0	2.9	2.4	31.7	22.9	19.3	18.8
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	8,615	-1.0	-2.4	-3.1	28.1	11.6	4.0	NA	NA	NA	NA	3.5	9.2
Dịch vụ tài chính	0.06	60,395	0.4	0.6	0.5	134.7	9.5	4.5	0.3	NA	9.7	7.1	9.3	4.4
Năng lượng	-0.47	76,538	-2.3	-4.6	-12.1	34.4	16.5	14.0	2.2	2.1	NA	17.9	14.2	15.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.57	519,946	0.4	-0.7	1.4	29.3	22.3	16.6	4.7	4.1	44.4	25.5	22.6	24.0
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	902	2.1	1.7	0.5	51.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	12,077	0.3	0.8	1.6	1.2	7.2	6.3	1.8	NA	40.5	14.7	24.4	24.4
Bảo hiểm	-0.10	48,935	-0.7	-1.9	-2.0	20.9	21.9	18.5	1.8	1.7	11.5	18.0	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	0.99	391,105	1.0	1.4	8.0	162.2	11.5	11.2	1.8	1.2	41.5	4.2	18.5	16.4
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,886	-2.8	1.2	-11.9	-22.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.05	34,774	1.0	2.6	26.7	149.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	2.21	1,206,916	0.5	0.4	-0.8	21.9	9.3	8.2	1.7	1.6	14.5	11.1	9.8	9.9
Bán lẻ	-0.04	75,843	0.7	-1.4	13.8	68.3	31.0	26.0	3.2	2.8	26.3	35.0	14.3	14.9
Phần mềm và dịch vụ	-0.08	67,679	-0.2	-0.3	8.4	70.7	12.5	10.0	3.0	2.5	34.3	25.2	25.1	25.3
Thiết bị và phần cứng	-0.05	4,567	-0.5	0.8	5.4	80.2	15.1	12.7	3.3	2.8	26.1	18.7	23.0	24.2
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,162	-4.2	-8.4	-7.7	353.8	11.6	9.7	3.1	2.5	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-0.01	166,945	0.0	-0.9	-4.8	273.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.02	240,578	0.0	-2.0	-4.7	25.7	27.2	10.6	4.6	3.7	NA	68.8	-18.3	10.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	121,500	6.2	2,006,900	2.0
HPG VN	56,300	2.2	21,294,400	1.1
MSN VN	98,000	3.2	2,383,000	0.9
VIC VN	132,100	0.5	1,631,700	0.5
ACB VN	34,000	2.1	6,393,000	0.4
VCB VN	99,000	0.4	1,191,800	0.4
VHM VN	100,000	0.4	3,979,600	0.4
STB VN	23,100	2.4	47,546,500	0.3
HSG VN	31,400	4.0	10,922,300	0.1
VPB VN	53,200	0.4	16,956,600	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
PLX VN	48,600	-2.7	2,050,800	-0.4
VRE VN	30,600	-1.8	6,825,200	-0.3
GVR VN	23,400	-1.3	1,511,800	-0.3
PDR VN	72,200	-2.7	3,368,200	-0.3
VNM VN	95,700	-0.3	3,149,400	-0.2
BID VN	40,350	-0.4	1,978,500	-0.2
VIB VN	53,300	-0.9	654,900	-0.1
MSB VN	21,250	-2.1	6,336,300	-0.1
FLC VN	11,050	-5.6	20,626,200	-0.1
BVH VN	56,900	-0.9	590,900	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.